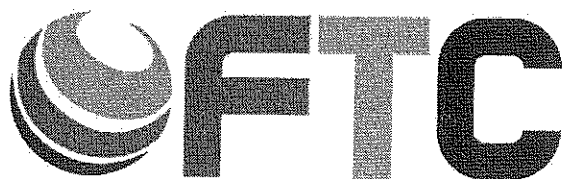


**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGOẠI NGỮ VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI**



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Tên ngành, nghề: Chăm sóc sắc đẹp**

**Mã ngành, nghề: 5810404**

**Trình độ đào tạo: Trung cấp**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Hà Nội, 2021**

Số: 77 /QĐ-NNCN

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành các chương trình đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGOẠI NGỮ VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH ngày 21/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề Văn Lang Hà Nội; Quyết định số 15/QĐ-LĐTBXH ngày 07/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề Văn Lang Hà Nội thành Trường Cao đẳng Văn Lang, và Quyết định số 661/QĐ-LĐTBXH ngày 10/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Văn Lang thành Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nghệ thuật, mỹ thuật và ngôn ngữ;

Căn cứ Thông tư số 44/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin;



Căn cứ thông tư số 55/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng cho các ngành, nghề thuộc lĩnh vực du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 15 chương trình đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy, bao gồm:

Stt	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ
1	Công nghệ Thông tin	5480201	Trung cấp
2	Nghiệp vụ nhà hàng	5810206	Trung cấp
3	Quản trị khách sạn	5810201	Trung cấp
4	Quản trị mạng máy tính	5480209	Trung cấp
5	Hướng dẫn du lịch	5810103	Trung cấp
6	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	Trung cấp
7	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	Trung cấp
8	Phiên dịch Tiếng Anh thương mại	5220202	Trung cấp
9	Tiếng Anh	5220206	Trung cấp
10	Tiếng Trung Quốc	5220209	Trung cấp
11	Tiếng Hàn Quốc	5220211	Trung cấp
12	Tiếng Nhật	5220212	Trung cấp
13	Văn thư - Lưu trữ	5320302	Trung cấp
14	Kế toán doanh nghiệp	5340302	Trung cấp
15	Thư viện - Thiết bị trường học	5320207	Trung cấp

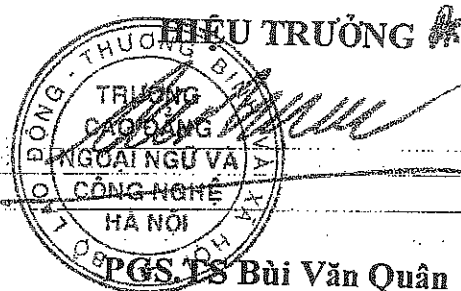
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, áp dụng cho các lớp trình độ trung cấp hệ chính quy tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2021-2022.

Căn cứ chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này, Phòng Quản lý Đào tạo hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo quy định.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các khoa đào tạo, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục GDNN (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



PGS. TS Bùi Văn Quân



- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;
- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

**b. Về kỹ năng:**

- Phục vụ được khách hàng tại các vị trí công việc của các dịch vụ chăm sóc da;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc toàn thân;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc móng;
- Thực hiện các kỹ thuật trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc chuyên sâu về da;
- Thực hiện các kỹ thuật Massage bấm huyệt;
- Thực hiện các kỹ thuật Phun thêu thẩm mỹ;
- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;
- Ứng dụng thành thạo ít nhất một phần mềm quản lý cơ sở làm đẹp trong công việc hàng ngày.

- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

**c. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tôn trọng nội quy của cơ quan;
- Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp;

**1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;
- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;

- Chăm sóc da mặt;
- Chăm sóc da toàn thân;
- Chăm sóc chuyên sâu về da;
- Phun thêu thẩm mỹ;
- Chăm sóc móng;
- Trang điểm nghệ thuật;
- Massage bấm huyệt.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 24
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 53 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1155 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 396 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 965 giờ
- Thi/Kiểm tra: 49 giờ

## 3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuy ết	Thực hành/ TT/TN /BT/TL	Thi/ Kiể m tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>12</b>	<b>255</b>	<b>94</b>	<b>148</b>	<b>13</b>
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
MH04	Giáo dục Thể chất	1	30	4	24	2
MH05	Giáo dục QP – AN	2	45	21	21	3
MH06	Tin học	2	45	15	29	1
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>					
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>7</b>	<b>145</b>	<b>63</b>	<b>75</b>	<b>7</b>
MH07	Tổng quan ngành chăm sóc sắc đẹp	2	30	28	0	2
MH08	Đạo đức nghề nghiệp và Chăm sóc khách hàng	1	20	10	9	1
MH09	Giải phẫu người và sinh lý	3	75	15	57	3
MH10	Mỹ thuật	1	20	10	9	1

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuy ết	Thực hành/ TT/TN /BT/TL	Thi/ Kiể m tra
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>32</b>	<b>965</b>	<b>224</b>	<b>714</b>	<b>27</b>
MĐ11	Tạo mẫu tóc và chăm sóc tóc	3	75	15	57	3
MĐ12	Hóa chất và mỹ phẩm	2	45	14	29	2
MĐ13	Vệ sinh-an toàn lao động	1	20	10	9	1
MĐ14	Phun thêu thẩm mỹ	3	75	15	57	3
MĐ15	Trang điểm nghệ thuật	3	60	28	30	2
MĐ16	Vẽ móng nghệ thuật	3	60	28	30	2
MĐ17	Chăm sóc da 1	3	60	28	30	2
MĐ18	Chăm sóc da 2	3	60	28	30	2
MĐ19	Nói mi nghệ thuật	2	45	15	28	2
MĐ20	Massage dưỡng sinh	3	60	28	30	2
MĐ21	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
MĐ22	Thực hành nghề nghiệp 1	4	180	0	178	2
MĐ23	Thực hành nghề nghiệp 2	4	180	0	178	2
<b>II.3</b>	<b>Môn học, mô đun tự chọn</b>	<b>2</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>28</b>	<b>2</b>
MĐ24	Quản lý spa	2	45	15	28	2
MĐ25	Khởi tạo DN	2	45	15	28	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>53</b>	<b>1410</b>	<b>396</b>	<b>965</b>	<b>49</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện. Người học có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin được miễn học, miễn thi môn Tin học, người học có chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3/6 trở lên được miễn học, miễn thi môn Tiếng Anh.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế Nhà trường bố trí cho học sinh đi tham quan một số địa danh cách mạng, các di tích lịch sử... nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, yêu tổ quốc và tham gia các hoạt động của địa phương.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh cụ thể như sau:

+ Hoạt động thư viện: Tất cả các ngày làm việc trong tuần, ngoài giờ học học sinh có thể đến thư viện đọc sách, tham khảo tài liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu.

+ Hoạt động Văn hóa văn nghệ: 1 buổi/4 tuần vào ngày nghỉ cuối tuần

+ Hoạt động TĐTT: 2 buổi/tuần từ 17h00 đến 19h00

+ Tổ chức giao lưu VHVN, TĐTT với địa phương và các đơn vị bạn giao cho Đoàn Trường tổ chức nhân các ngày Lễ và các sự kiện.

+ Đi thực tế: Giáo viên bố trí theo yêu cầu môn học, mô đun.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

- Các môn học, mô đun khi kết thúc đều được kiểm tra đánh giá kết quả

+ Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

+ Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô – đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo đối với từng đối tượng.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận, làm điều kiện xét tốt nghiệp.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Bùi Văn Quân**